TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2023.
"V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Vũ và bà Phạm Thị Thùy Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20/10/2022 về việc "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Niê H Kh - sinh năm 1993; Địa chỉ: Buôn T, xã Y, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Ksơr Y O - sinh năm 1990; Địa chỉ: Buôn T, xã Y, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Niê H Kh trình bày:

Chị Niê H Kh và anh Ksơr Y O tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đăk Lăk trên cơ sở tự nguyện. Thời gian chung sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y O thường xuyên uống rượu về đập phá nhà cửa, đánh đập vợ con. Đến nay, chị H Kh cảm thấy không chịu đựng được người chồng như anh Y O nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Ksơr Y O.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Niê H Kh và anh Ksơr Y O có 02 con chung là Niê Y Ki Ch - sinh ngày 15/01/2011 và Niê H Tr - sinh

ngày 10/01/2015.

Chị Niê H Kh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Niê H Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Niê H Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Ksơr Y O đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Y O vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh Y O về yêu cầu khởi kiện của chị H Kh. Tại phiên tòa, anh Y O vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị H Kh khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Kh về việc ly hôn với anh Y O. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị H Kh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Niê H Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Ksơr Y O là "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ksơr Y O đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Niê H Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Niê H Kh và anh Ksơr Y O chung sống với nhau từ năm 2010, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 26/04/2012 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị H Kh, anh Y O sinh sống thể hiện: Sau khi về chung sống với nhau đến khoảng tháng 10/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Do đó, xét thấy giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc chị H Kh yêu cầu ly hôn với anh Y O là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H Khl và anh Y Oaih đã có với nhau 02 con chung là Niê Y Ki Ch - sinh ngày 15/01/2011 và Niê H Tr - sinh ngày 10/01/2015.

Nguyện vọng của chị H Kh là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Y Oaih phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai đề ngày 26/10/2022, cháu Niê Y Ki Ch trình bày có nguyện vọng ở với mẹ. Đối với cháu Niê H Tr, Tòa án tiến hành làm việc, giải thích cho cháu trình bày nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn, có sự giám hộ của mẹ là Niê H Kh nhưng cháu không đồng ý trình bày nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Y O không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân và về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, xét thấy cần giao các con chung cho chị Niê H Kh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Niê H Kh. Chị Niê H Kh được ly hôn với anh Ksơr Y O.

- Về con chung: Giao các con chung HNiê Y Ki Ch - sinh ngày 15/01/2011 và Niê H Tr - sinh ngày 10/01/2015 cho chị Niê H Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Ksơr Y O có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Niê H Kh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0010740 ngày 06/10/2022.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy